PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 958/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030" với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Quan điểm

Việc xây dựng và thực hiện Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 được gắn với bốn quan điểm chủ đạo sau đây:

a) Trong bối cảnh nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế - xã hội lớn, khả năng huy động nguồn nội lực chưa đáp ứng đầy đủ, việc huy động từ các nguồn vốn vay nợ trong và ngoài nước là cần thiết và có vai trò hết sức quan trọng.

b) Huy động vốn vay và trả nợ phải nằm trong giới hạn các chỉ tiêu an toàn về nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia.

c) Chủ động cải tiến công cụ quản lý nợ công, đa dạng hóa các hình thức vay vốn với chi phí hợp lý, chuyển đổi cơ cấu vay theo hướng tăng dần tỷ trọng huy động vốn vay trong nước, giảm dần mức độ vay nước ngoài và hạn chế bảo lãnh Chính phủ.

d) Chính phủ thống nhất quản lý huy động, phân bổ, sử dụng vốn vay, trả nợ và quản lý nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia hiệu quả, an toàn.

2. Mục tiêu

Tổ chức huy động vốn vay với chi phí và mức độ rủi ro phù hợp, đáp ứng nhu cầu cân đối ngân sách nhà nước và đầu tư phát triển triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ; việc phân bổ, sử dụng vốn vay phải đúng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo khả năng trả nợ; duy trì các chỉ số nợ công, nợ Chính phủ và nợ nước ngoài của quốc gia ở mức an toàn, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia, phù hợp với điều kiện của Việt Nam và thông lệ quốc tế.

3. Các chỉ tiêu cụ thể

a) Huy động vốn để đáp ứng nhu cầu chi của ngân sách nhà nước và tiếp tục đầu tư cho các chương trình, dự án xây dựng cơ sở kết cấu hạ tầng, giao thông, y tế, giáo dục và các chương trình mục tiêu quan trọng theo các Nghị quyết của Quốc hội trong từng giai đoạn.

- Vay trong và ngoài nước để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước theo hướng giảm dần bội chi ngân sách nhà nước, phấn đấu đến năm 2015 (tính cả trái phiếu Chính phủ) dưới 4,5% GDP, giai đoạn 2016 - 2020 tương đương khoảng 4% GDP và giai đoạn sau năm 2020 bình quân khoảng 3% GDP.

- Tổ chức phát hành trái phiếu Chính phủ để thực hiện chương trình đầu tư cho các công trình giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục để cơ bản đáp ứng nhu cầu vốn trái phiếu giai đoạn 2011 - 2015 với tổng mức tối đa 225 nghìn tỷ đồng, bình quân 45 nghìn tỷ đồng/năm; giai đoạn 2016 - 2020 phát hành tối đa 500 nghìn tỷ đồng

trong đó dành khoảng 350 nghìn tỷ đồng cho đầu tư phát triển và phần còn lại dùng để đảo nợ.

- Huy động vốn vay để bổ sung cho thực hiện đề án xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2011 - 2020 khoảng 550 nghìn tỷ đồng, bình quân tối đa 55 nghìn tỷ đồng/năm.

- Thực hiện nhiệm vụ tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu và tín dụng chính sách của nhà nước theo hướng chọn lọc mục tiêu, không mở rộng diện.

- Vay và trả nợ của chính quyền địa phương để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương thực hiện trong hạn mức vay hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Luật Quản lý nợ công.

- Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn nước ngoài thông qua cơ chế vay về cho vay lại và thực hiện bảo lãnh Chính phủ cho một số chương trình, dự án quan trọng thuộc danh mục ưu tiên của Chính phủ với mức độ hợp lý trong khuôn khổ giới hạn an toàn về nợ công được Quốc hội phê chuẩn.

- Vay nước ngoài của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng phải nằm trong hạn mức vay nợ nước ngoài của quốc gia hàng năm do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

b) Cơ cấu danh mục nợ, điều kiện vay, sử dụng vốn vay cần điều chỉnh theo hướng tăng tỷ trọng nợ trong nước, giảm dần sự phụ thuộc vào nợ nước ngoài của quốc gia, tăng cường hiệu quả, đảm bảo khả năng trả nợ, với chi phí và mức độ rủi ro hợp lý.

- Cơ cấu dư nợ nước ngoài của Chính phủ trong tổng số dư nợ của Chính phủ giảm xuống dưới 50%, đảm bảo duy trì cơ cấu dư nợ vay ODA tối thiểu đạt khoảng 60% so với tổng dư nợ nước ngoài của Chính phủ vào năm 2020.

- Giảm thiểu rủi ro về tái cấp vốn, thanh khoản, tỷ giá, đồng tiền, có cơ chế thúc đẩy phát triển thị trường trái phiếu Chính phủ và phấn đấu kéo dài thời hạn vay qua phát hành trái phiếu Chính phủ trong nước giai đoạn 2011 - 2015 trung bình khoảng từ 4 - 6 năm và giai đoạn 2016 - 2020 lên khoảng từ 6 - 8 năm.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn, làm ảnh hưởng đến các cam kết quốc tế của Chính phủ.

c) Duy trì các chỉ số nợ công, nợ Chính phủ và nợ nước ngoài của quốc gia ở mức an toàn được Quốc hội phê chuẩn trong từng giai đoạn và từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Nợ công (bao gồm nợ Chính phủ, nợ được Chính phủ bảo lãnh và nợ chính quyền địa phương) đến năm 2020 không quá 65% GDP, trong đó dư nợ Chính phủ không quá 55% GDP và nợ nước ngoài của quốc gia không quá 50% GDP.

- Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ (không kể cho vay lại) so với tổng thu ngân sách nhà nước hàng năm không quá 25% và nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của quốc gia hàng năm dưới 25% giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ.

- Đảm bảo chỉ tiêu tỷ lệ dự trữ ngoại hối nhà nước so với tổng dư nợ nước ngoài ngắn hạn hàng năm trên 200%.

d) Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ, thể chế và chính sách quản lý nợ công, nợ Chính phủ và nợ nước ngoài của quốc gia, đảm bảo đồng bộ, ổn định, phù hợp với yêu cầu đổi mới, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển thị trường vốn trong nước và tăng cường khả năng chủ động tiếp cận, tham gia thị trường vốn quốc tế.

đ) Không ngừng đổi mới tổ chức, hình thành cơ quan quản lý nợ theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp và từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế.

4. Từng bước giảm dần nợ công, đến năm 2030 nợ công không quá 60% GDP, trong đó nợ Chính phủ không quá 50% GDP và nợ nước ngoài của quốc gia không quá 45% GDP.

II. ĐỊNH HƯỚNG HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG VỐN VAY

1. Huy động vốn vay tiếp tục thực hiện theo nguyên tắc vốn trong nước là quyết định, vốn nước ngoài là quan trọng. Tập trung huy động tối đa đối với nguồn vốn vay ODA, hợp lý đối với nguồn vay ưu đãi nước ngoài và thận trọng đối với các nguồn vay thương mại nước ngoài, đảm bảo an toàn về nợ và an ninh tài chính quốc gia.

2. Việc huy động và sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ để hỗ trợ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Quyết định số 106/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và các khoản vốn vay ưu đãi khác của các nhà tài trợ thời kỳ 2011 - 2015.

3. Trái phiếu Chính phủ phát hành trên thị trường vốn trong nước sử dụng chủ yếu cho bù đắp bội chi ngân sách nhà nước hàng năm và đầu tư các công trình giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục theo các Nghị quyết của Quốc hội. Tập trung rà soát, bố trí đủ vốn cho các dự án đã được Quốc hội quyết định để bố trí đủ vốn hoàn

thành đúng tiến độ, đưa vào khai thác sử dụng. Đối với các dự án mới sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ phải nằm trong tổng mức phát hành, chỉ tập trung vào dự án trọng điểm, cấp bách. Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt danh mục và tổng mức đầu tư cho từng dự án.

4. Vay thương mại nước ngoài của Chính phủ thực hiện theo nguyên tắc chỉ dành để cho vay lại đối với các chương trình dự án đầu tư có hiệu quả, trả được nợ, hạn chế sử dụng cho cân đối ngân sách nhà nước.

5. Tiếp tục ưu tiên cấp bảo lãnh Chính phủ cho các doanh nghiệp vay vốn trong và ngoài nước trong khuôn khổ hạn mức bảo lãnh Chính phủ hàng năm để đầu tư chương trình, dự án trọng điểm, chương trình tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu và tín dụng chính sách của nhà nước và các chương trình, dự án quan trọng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

6. Huy động và sử dụng vốn vay của chính quyền địa phương thông qua việc phát hành trái phiếu, vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ và từ các nguồn tài chính hợp pháp khác để đầu tư các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của địa phương thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương chủ động cân đối nguồn hoàn trả đầy đủ, đúng hạn.

7. Vay và trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng phải nằm trong hạn mức vay thương mại nước ngoài hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các doanh nghiệp thực hiện vay trả nợ theo nguyên tắc tự vay tự trả và tự chịu trách nhiệm, trừ trường hợp có cam kết của Chính phủ.

8. Các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có trách nhiệm và nghĩa vụ sử dụng vốn vay đúng mục đích, không được sử dụng vốn vay ngắn hạn để đầu tư cho các dự án trung và dài hạn, tự chịu mọi rủi ro và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình huy động, sử dụng vốn vay và trả nợ đúng hạn.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

1. Hoàn thiện thể chế chính sách và công cụ quản lý nợ

Việc hoàn thiện hệ thống thể chế chính sách và công cụ quản lý nợ sẽ được thực hiện thông qua 2 giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020, cụ thể:

a) Giai đoạn 2011 - 2015:

- Tiếp tục rà soát, tháo gỡ các vướng mắc, ban hành đầy đủ và đồng bộ hóa các cơ chế chính sách quản lý nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia. Tập trung vào việc

sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA, tiêu chí về nợ công theo nguồn hình thành, cơ chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng theo phương thức tự vay tự trả, vay và trả nợ của chính quyền địa phương, huy động và sử dụng vốn vay ưu đãi, vay thương mại nước ngoài, cơ chế quản lý rủi ro, định mức tín nhiệm quốc gia nhằm tiếp tục tạo môi trường pháp lý hiệu quả cho công tác quản lý nợ, phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Nghiên cứu, ban hành cơ chế chính sách về PPP (đối tác công tư), BOT, BTO, BT.... nhằm xã hội hóa các nguồn vốn huy động cho phát triển kết cấu hạ tầng, khai thác có hiệu quả nguồn lực này để từng bước thay thế nguồn vốn ODA đang có xu hướng giảm dần và giảm gánh nặng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các công cụ nợ (chiến lược, chương trình trung hạn, kế hoạch chi tiết hàng năm, hệ thống chỉ tiêu giám sát nợ) làm căn cứ triển khai các nghiệp vụ về huy động, sử dụng vốn vay cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn cụ thể.

- Nghiên cứu để thiết lập cơ chế đăng ký khoản vay khu vực công trong đó có nợ của các tập đoàn, Tổng công ty nhà nước trong giới hạn các chỉ tiêu an toàn về nợ công được Quốc hội phê chuẩn, thực hiện công khai hạn mức vay để tạo điều kiện cho các đơn vị vay chủ động triển khai các dự án sử dụng vốn vay.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng quy hoạch huy động và sử dụng vốn vay, khắc phục tình trạng trùng lặp, lãng phí nguồn lực và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh hệ thống định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam và thông lệ quốc tế.

b) Giai đoạn 2016 - 2020:

Tiến hành đánh giá, tổng kết việc thi hành Luật Quản lý nợ công, trên cơ sở đó thực hiện sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý nợ công. Đồng thời sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Quản lý nợ công, cũng như các quy định khác có liên quan nhằm từng bước nới lỏng các giao dịch vốn để đáp ứng xu thế hội nhập, mở rộng các quan hệ tài chính, thương mại với thế giới trên cơ sở thiết lập hệ thống quản lý chặt chẽ, kiểm soát di chuyển các dòng vốn nước ngoài, phát hiện sớm các rủi ro tiềm ẩn và có biện pháp dự phòng phù hợp, tránh xảy ra khủng hoảng nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia.

2. Tiếp tục nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng vốn vay

- Tranh thủ nguồn vốn vay ODA, chủ động huy động nguồn vay ưu đãi ở mức độ hợp lý, tiếp tục hài hòa hóa thủ tục, hạn chế việc Chính phủ vay thương mại nước ngoài và bảo lãnh cho các doanh nghiệp.

- Xây dựng chương trình đầu tư công trên cơ sở rà soát lại các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án trọng điểm để làm căn cứ cho việc huy động, phân bổ nguồn vốn phù hợp, bao gồm cả hình thức cấp phát từ ngân sách nhà nước, cho vay lại và bảo lãnh cho chương trình, dự án quan trọng.

- Vay cho cân đối ngân sách nhà nước phải được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo mức bội chi đã đề ra trong chiến lược và từng bước chuyển đổi cách tính bội chi ngân sách nhà nước theo thông lệ quốc tế.

- Tăng cường hiệu quả công tác đàm phán trong vay nợ để hạn chế sự phụ thuộc vào nhà tài trợ, nhất là trong các hợp đồng xây lắp, mua sắm thiết bị và công nghệ từ nguồn vốn vay nước ngoài, giảm chi phí đầu vào, tăng hiệu quả đầu tư.

- Các cơ quan chủ quản, chủ dự án cần tăng cường thực hiện tốt các khâu của quy trình dự án: Lựa chọn, lập hồ sơ và phê duyệt dự án, đồng thời phải tính toán đầy đủ các khía cạnh liên quan đến chất lượng và hiệu quả sử dụng vốn của dự án, khả năng trả nợ, tính bền vững của dự án.

3. Tăng cường công tác giám sát, quản lý rủi ro, bảo đảm an toàn về nợ và an ninh tài chính quốc gia

- Kiểm soát vay nợ thông qua công cụ nợ: Chiến lược, chương trình trung hạn, kế hoạch và các hạn mức trên cơ sở các chỉ tiêu an toàn nợ.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay có hiệu quả để đảm bảo khả năng trả nợ. Thực hiện nghiêm ngặt công tác giám sát việc huy động, phân bổ, sử dụng vốn vay và trả nợ công, vay trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp nhằm hạn chế rủi ro, bảo đảm an toàn nợ và an ninh tài chính quốc gia.

- Tổ chức thực hiện thanh toán trả nợ, đảm bảo trả nợ đầy đủ, đúng hạn, không để phát sinh nợ quá hạn làm ảnh hưởng đến các cam kết quốc tế. Đồng thời chủ động sử dụng linh hoạt các công cụ tài chính để giảm thiểu các rủi ro đối với danh mục nợ công.

- Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu nợ, dự báo, phân tích, đánh giá và đưa ra cảnh báo mức độ rủi ro đối với danh mục nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia.

Đồng thời chủ động đề xuất phương án xử lý đối với các rủi ro tiềm tàng của danh mục nợ.

- Đẩy mạnh việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán việc tuân thủ pháp luật của các đơn vị sử dụng vốn vay để đảm bảo hiệu quả đầu tư.

4. Phát triển thị trường trái phiếu Chính phủ

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế thị trường trái phiếu, tập trung vào việc đổi mới phương thức phát hành, các quy định về thành viên tham gia thị trường, cơ chế đấu thầu, điều hành lãi suất thị trường, tái cấu trúc thị trường thông qua việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, công cụ phái sinh.

- Phát triển thị trường vốn trong nước để tăng khả năng huy động bằng đồng Việt Nam, đặc biệt là phát triển cơ sở các nhà đầu tư, đa dạng hóa kỳ hạn, nâng cao tính thanh khoản để trái phiếu Chính phủ trở thành đường cong lãi suất chuẩn cho các công cụ nợ.

- Phát triển cơ sở nhà đầu tư, hình thành hệ thống các nhà giao dịch sơ cấp nhằm thúc đẩy giao dịch trái phiếu trên thị trường, gắn thị trường phát hành và thị trường giao dịch.

- Từng bước hoàn chỉnh nguyên tắc giao dịch theo cơ chế thị trường, tiến tới bỏ các phương pháp xác định lãi suất trần nhằm xây dựng đường cong lãi suất chuẩn của trái phiếu Chính phủ.

5. Tăng cường quản lý nợ Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước

- Rà soát, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và mô hình về thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chức năng quản lý của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước, tách biệt chức năng quản lý hành chính nhà nước và chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp, bảo đảm thực hiện có hiệu quả chức năng đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước.

- Nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, tạo môi trường bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, bảo đảm quyền bình đẳng về cơ hội và mức độ tiếp cận đối với các nguồn lực, nhất là đất đai, vốn tín dụng đầu tư, thông tin có giá trị pháp lý về doanh nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, cổ phần hóa, củng cố, tăng cường năng lực, hiệu quả, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp nhà nước.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc vay nợ, sử dụng vốn vay và thanh toán nợ của doanh nghiệp nhà nước, bảo đảm không để xảy ra tình trạng đổ vỡ, phá sản do không trả được nợ. Kiên quyết thực hiện việc giải thể, phá sản các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ, kém hiệu quả, mất vốn nhà nước.

- Tiếp tục khống chế mức vay vốn của các Tập đoàn, Tổng công ty trên vốn chủ sở hữu không quá 3 lần. Các Tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước chỉ đầu tư vào ngành nghề kinh doanh chính và ngành nghề hỗ trợ, liên quan trực tiếp đến ngành nghề kinh doanh chính; không đầu tư vào lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản (trừ ngành nghề kinh doanh chính) và chậm nhất đến năm 2015 hoàn thành việc thoái vốn đã đầu tư vào các lĩnh vực này.

- Có biện pháp thích hợp để yêu cầu các doanh nghiệp đang có tỷ lệ nợ phải trả so với vốn chủ sở hữu vượt quá mức an toàn theo quy định phải xây dựng lộ trình giảm tỷ lệ này xuống mức cho phép, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia.

6. Đảm bảo kinh phí xây dựng và thực hiện chiến lược nợ. Kinh phí xây dựng và thực hiện đề án chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia khoảng 240 tỷ đồng, tập trung cho các hoạt động chủ yếu như kinh phí xây dựng, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn triển khai và tổ chức thực hiện các nội dung của đề án chiến lược nợ.

7. Thực hiện việc công khai, minh bạch thông tin về nợ thông qua chế độ báo cáo, đánh giá về tình hình huy động, phân bổ, sử dụng vốn vay và trả nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia theo định kỳ hoặc đột xuất, phù hợp với quy định của Luật Quản lý nợ công và thông lệ quốc tế.

8. Hoàn thiện bộ máy tổ chức, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động cơ quan quản lý nợ

- Chính phủ thống nhất quản lý nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia trên cơ sở phân định trách nhiệm, quyền hạn các cơ quan trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao; thống nhất đầu mối theo dõi, tổng hợp và giám sát nợ trên cơ sở cơ chế phối hợp giữa các cơ quan của Chính phủ.

- Nghiên cứu hình thành tổ chức quản lý nợ hiện đại, độc lập, chuyên nghiệp và từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế để thực hiện chức năng thống nhất quản lý nhà nước về nợ công theo quy định của Luật Quản lý nợ công.

- Cung cấp đầy đủ trang thiết bị, công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống thông tin, hiện đại hóa quy trình thu thập, tổng hợp, phân tích cơ cấu nợ để đáp ứng yêu cầu quản lý nợ tiên tiến, sự phát triển của thị trường vốn và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

- Cải cách thủ tục hành chính, hài hòa hóa thủ tục đầu tư, xây dựng, phân bổ vốn ngân sách nhà nước, vay về cho vay lại đảm bảo giám sát chặt chẽ.

IV. CÁC ĐỀ ÁN CỤ THỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 được thực hiện thông qua 2 giai đoạn 5 năm, giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020 và cụ thể hóa theo các đề án chi tiết dưới đây:

1. Mục tiêu, định hướng huy động, sử dụng vốn vay, quản lý nợ và các chỉ tiêu an toàn về nợ trong từng giai đoạn 5 năm, giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020.

2. Chương trình quản lý nợ trung hạn, bắt đầu cho 3 năm liền kề 2013 - 2015.

3. Phát triển thị trường vốn trong nước, trong đó có thị trường trái phiếu Chính phủ để tăng cường khả năng huy động vốn cho ngân sách nhà nước và cho đầu tư phát triển.

4. Tăng cường quản lý rủi ro đối với danh mục nợ công, nhằm giảm nghĩa vụ trả nợ công và góp phần thực hiện các chỉ tiêu an toàn về nợ.

5. Quản lý cấp bảo lãnh Chính phủ, bao gồm việc xác định chương trình, danh mục dự án ưu tiên cấp bảo lãnh Chính phủ trong từng thời kỳ và cơ chế giám sát.

6. Công tác huy động, sử dụng, trả nợ và quản lý nợ của chính quyền địa phương, phù hợp với quy định về quản lý ngân sách nhà nước.

7. Tăng cường hiệu quả công tác huy động, sử dụng vốn vay, trả nợ đối với các khoản vay thương mại nước ngoài của Chính phủ.

8. Huy động và sử dụng nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ từ các nhà tài trợ thời kỳ 2011 - 2015.

9. Xây dựng chương trình đầu tư công, trong đó có các chương trình mục tiêu quốc gia.

10. Củng cố các định chế tài chính thực hiện chức năng tín dụng đầu tư, xuất khẩu và tín dụng chính sách của Nhà nước (VDB, Ngân hàng Chính sách xã hội).

11. Nâng cao định mức xếp hạng tín nhiệm của quốc gia nhằm tăng cường khả năng huy động vốn trên thị trường tài chính quốc tế.

12. Hoàn thiện bộ máy tổ chức cơ quan quản lý nợ, tăng cường chất lượng đào tạo và nâng cao năng lực cán bộ quản lý nợ.

13. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và công bố thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia.

14. Nghiên cứu công tác quản lý nợ công của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược nợ; phê duyệt và chỉ đạo kế hoạch thực hiện các nội dung chiến lược nợ theo từng giai đoạn.

b) Thực hiện huy động, phân bổ, sử dụng vốn vay và trả nợ của Chính phủ; quản lý việc cấp bảo lãnh Chính phủ; hướng dẫn và theo dõi tình hình vay và trả nợ của chính quyền địa phương.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát vĩ mô tình trạng nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia; phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình huy động, phân bổ, sử dụng vốn vay và trả nợ công, nợ nước ngoài quốc gia.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh mục tiêu, nội dung chiến lược nợ trong trường hợp cần thiết.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì nghiên cứu, xây dựng các đề án về huy động và sử dụng nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài từ các nhà tài trợ; xây dựng chương trình đầu tư công, trong đó có các chương trình mục tiêu quốc gia; thực hiện kiểm soát hoạt động vay và trả nợ của khối các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; giám sát, đánh giá thực trạng và hiệu quả sử dụng vốn vay ODA theo quy định của Chính phủ.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước, xây dựng, điều hành và xác nhận hạn mức vay thương mại nước ngoài của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng theo phương thức tự vay tự trả.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về nợ công theo quy định của Luật Quản lý nợ công; theo dõi, kiểm tra, giám sát, thanh tra, báo cáo, cung cấp thông tin về tình hình huy động và sử dụng vốn vay của các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan Trung ương.

5. Kiểm toán Nhà nước, các cơ quan kiểm toán độc lập, cơ quan thanh tra thực hiện chức năng theo thẩm quyền được phân công trong việc huy động và sử dụng vốn vay để đảm bảo các khoản vay nợ được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, đảm bảo khả năng thanh toán nợ, đồng thời nâng cao tính minh bạch trong quá trình huy động, phân bổ và sử dụng vốn vay.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quản lý nợ chính quyền địa phương, lập kế hoạch vay, trả nợ chi tiết hàng năm, xây dựng danh mục dự án đầu tư dự kiến sử dụng vốn vay thuộc cấp tỉnh theo quy định của Luật Quản lý nợ công; cung cấp các thông tin, số liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng thẩm quyền cho Bộ Tài chính và các cơ quan kiểm tra, giám sát khác có liên quan về tình hình huy động, sử dụng vốn vay, trả nợ của chính quyền địa phương.

7. Các cơ quan cho vay lại được Bộ Tài chính ủy quyền thực hiện cho vay lại có trách nhiệm quản lý, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vay, thu hồi và thanh toán trả nợ; thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin và phối hợp với Bộ Tài chính trong việc kiểm tra, giám sát về việc chấp hành quy chế quản lý, sử dụng vốn vay và trả nợ vay về cho vay lại đối với các đối tượng được ủy quyền.

8. Các chủ dự án, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng sử dụng vốn vay tổ chức tiếp nhận, sử dụng vốn vay phải có hiệu quả, đúng mục đích và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan phát sinh từ các thỏa thuận vay hoặc bảo lãnh.

9. Các doanh nghiệp vay theo hình thức tự vay trả, bảo lãnh Chính phủ chủ động lựa chọn nguồn vay có điều kiện tốt nhất, phù hợp với đặc điểm của dự án

đầu tư được lựa chọn. Các khoản nợ nước ngoài của doanh nghiệp tự vay tự trả chịu sự giám sát, theo dõi của cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng